

KINH BỒ-TÁT TRÌ NHÂN

QUYỂN 2

Phẩm 3: Vua Trì Thí

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thuở xưa, cách đây vô số kiếp không thể tính kể được, có Đức Phật hiệu là Ý Phổ Ngọc Vương, đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Vào đời của Đức Phật ấy, có tám mươi ức na-do-tha chúng Sa-môn, đều là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc; các bậc Học và Vô học A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cũng có tám mươi ức na-do-tha, cùng với tám mươi bốn ức triệu chư Bồ-tát đều vân tập đến chỗ Đức Phật ấy.

Này Bồ-tát Trì Nhân! Lúc ấy, Đức Như Lai có tuổi thọ là tám vạn năm. Trong đời ấy có vị vua tên là Trì Thí, làm vua hai vạn cõi nước, dân chúng đông đảo, mưa gió điều hòa, lúa gạo được mùa, trăm họ được an ổn. Thành của vua ngự rộng bốn trăm tám mươi dặm, đều do châu báu và bốn loại ngọc báu làm thành, tường của thành ấy có bảy lớp, cây cối, hào sâu và lan can bao quanh đều có bảy lớp, có bảy lớp lưới châu báu bao bọc trên các vách tường và các hàng cây, dùng bốn loại báu đan xen làm màn giăng quanh ở trên. Trong hai vạn cõi nước ấy, mỗi cõi nước có năm trăm quận huyện. Lại nữa, trên những cây ấy đều mọc ra vải vóc tốt đẹp, tự nhiên có bảy báu và các y phục mịn màng; mỗi ao nước đều có năm trăm ao tắm vây quanh, mỗi ao tắm đều do bảy báu làm thành, mọc ra hoa sen bằng bảy báu như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng và hoa sen trắng đầy khắp trong ao. Những hoa sen ấy lớn bằng bánh xe. Nước trong những ao ấy tự nhiên có tám vị. Quốc vương của nước ấy có tám vạn bốn ngàn phu nhân, thể nữ; trong cung của hoàng hậu có hai vị thái tử: một vị tên là Vô Hận Ý, vị kia tên là Vô

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Hạn Giới. Năm mươi sáu tuổi, một hôm đang ngủ, trong giấc mộng, hai vị thái tử thấy hình tượng Đức Như Lai đẹp đẽ oai nghiêm, thân sắc vàng ròng, tướng tốt trang nghiêm, oai đức cao vời, ánh sáng chiếu khắp mười phương không có giới hạn. Trong giấc mộng thấy việc này rồi, hai vị thái tử đều vô cùng hoan hỷ. Sau khi thức dậy, tâm họ rất thản nhiên, đều nhờ họ đã biết đạo chân chánh từ kiếp trước, liền nói kệ:

*Trong mộng chúng con thấy
Bậc Tối Thắng trời, người
Sắc thân màu vàng ròng
Tướng do trăm phước thành.
Nhờ ở trong giấc mộng
Thấy tất cả công đức
Và gần gũi tôn nhan
Nên hoan hỷ vô lượng.
Quán ánh sáng bậc Thánh
Rực rỡ như mặt trời
Trong tâm rất vui mừng
Vượt trên tất cả chúng.
Oai đức thật cao vời
Giống như núi báu chúa
Ai thấy hình tượng Ngài
Đều rất đổi vui mừng.*

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Sau khi thấy điềm lành này, hai vị thái tử liền đến chỗ vua cha và mẫu hậu để trình bày sự việc: “Thưa cha mẹ! Tối hôm qua, trong giấc mộng, anh em chúng con được thấy Đức Như Lai Chí Chân, nên chúng con xin cha mẹ để đến chỗ Đức Như Lai, hiện tại Ngài đang ở đời, đã giáo hóa từ lâu rồi, nhưng chúng con vì buồn lung, bị chìm đắm trong năm dục, không biết Đức Phật ra đời, bị năm ấm trói buộc, các lưới ác che phủ, tự cao tự đại, không có tâm cung kính, vì bị mê hoặc như vậy nên không thể gặp Đức Như Lai để thưa hỏi và nhận lãnh đạo trí tuệ.” Vua cha và mẫu hậu liền đồng ý. Sau khi xin cha mẹ xong, hai vị thái tử liền đến chỗ Đức Phật Ý Phổ

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Ngọc Vương cúi đầu đánh lễ sát đất, thưa: “Thưa Thế Tôn! Chúng con bị tội lỗi che lấp, mê hoặc bao vây, bị tà vạy cám dỗ nên không được gần gũi phụng sự Ngài để thưa hỏi, nhận lãnh những lời dạy bảo. Chúng con thật hổ thẹn khi nhìn thấy tôn nhan của Ngài. Đức Thế Tôn vì tâm Từ bi rộng lớn nên đã chiếu ánh sáng đến để khai mở tâm tối cho chúng con, khiến chúng con được phụng sự, gần gũi Ngài. Hôm nay, chúng con muốn thỉnh Phật và Thánh chúng Bồ-tát nhận những phẩm vật của chúng con như: thực phẩm, y phục, giường chiếu, thuốc thang chữa bệnh... trong ba tháng; còn thành quách, vườn rừng, lâu đài, nơi ở được trang hoàng đẹp đẽ, giảng cờ, lọng, các ao tắm đầy hoa sen... của vua cha thì chúng con sẽ xin vua cha và mẫu hậu để dâng lên Đức Như Lai, hàng Bồ-tát cùng các Thanh văn...”

Sau khi dùng tất cả những vật dụng để cúng dường Phật và Thánh chúng suốt ba tháng, hai vị thái tử được cha mẹ đồng ý cho đi xuất gia, dù họ rất buồn thương. Ở chỗ Đức Như Lai ấy, hai vị luôn kính tin, không luyến tiếc hoàng cung, liền xuất gia làm Sa-môn, học hạnh thanh tịnh. Khi ấy, thấy hai vị thái tử bỏ nước xuất gia, Đức Như Lai Chí Chân Ý Phổ Ngọc Vương liền quan sát căn tánh của thái tử Vô Hận Ý và Vô Hận Giới, rồi giảng nói rõ ràng về phẩm “Năm ấm suy” của Bồ-tát. Nghe xong, hai vị thái tử đều kính nhận, suốt tám vạn bốn ngàn năm chưa từng ngủ nghỉ, cũng chẳng nghĩ đến ăn uống, giường nằm, mà chỉ ngồi tư duy về nghĩa lý của kinh và đọc tụng, suốt tám vạn bốn ngàn năm chưa từng nghĩ tưởng gì khác, thường chánh niệm tư duy về sự trống rỗng của năm ấm, từ đầu đến cuối đều hoàn toàn là không, chẳng thật có, chúng chỉ tồn tại do điên đảo, do mê hoặc điều này nên không thể giác ngộ. Hiểu rõ năm ấm như vậy nên hai vị ấy tu tập phạm hạnh, nhờ tư duy pháp này nên thông đạt nghĩa lý sâu xa, không chấp vào nẻo hưởng đến của các ấm, chí nguyện rộng lớn, không hề mong cầu nên sau khi lâm chung, được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Sau khi Đức Như Lai diệt độ, hai vị ấy lại từ cõi trời Đâu-suất hạ sinh vào nhà trưởng giả giàu có ở cõi Diêm-phù-đề. Đến năm mười sáu tuổi, trong giấc mộng, họ lại thấy hình tượng của Đức Như Lai. Trong giấc mộng ấy, họ thấy mình theo Đức Như Lai nghe pháp như vậy mà được thông suốt về

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

năm ấm cùng các nhập của hàng Bồ-tát. Sau khi tỉnh giấc hai vị ấy rất đổi vui mừng, trong một vạn năm, luôn tu hạnh thanh tịnh, cũng thông đạt về năm ấm và các nhập từ đầu đến cuối. Sau khi lâm chung, họ lại sinh vào cõi trời Đao-lợi, vừa sinh ra liền mạng chung, được sinh trong nhà Phạm chí ở thế gian, gặp Đức Như Lai Ý Phổ Ngọc Vương thuở xưa. Vào thời mạt pháp sau cùng, chánh pháp còn sót lại trong khoảng một ngàn năm, nhờ cội gốc công đức thuở xưa nên hai vị ấy luôn có lòng tin, không luyến tiếc gia đình mà xuất gia học đạo, học rộng hiểu nhiều, trí tuệ như biển, thông suốt năm ấm và các nhập, suy tìm đến tận nguồn gốc, biết rõ lý chân chánh. Khi ấy, hai vị dùng phương tiện để khuyên dạy cho hai vạn người và hai vạn ức chư Thiên đều phát tâm nơi quả vị Chánh chân Vô thượng. Nhờ nhân duyên này, hai vị thái tử ấy đã cùng thực hành hạnh Bồ-tát, được gặp mười ức na-do-tha chư Phật, ở đời mạt pháp sau cùng, lại đạt được pháp Nhẫn vô sinh, lại gần gũi, cúng dường ức ức triệu chư Như Lai. Hai vị này trong một kiếp nữa, sẽ chứng đắc quả vị Chánh chân Vô thượng, làm Bạc Tối Chánh Giác, vị thứ nhất tôn hiệu là Vô Lượng Âm, vị thứ hai tôn hiệu là Vô Lượng Quang. Do đó, này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào muốn chứng đắc đạo quả Chánh chân Vô thượng, làm Bạc Tối Chánh Giác thì nên siêng năng tu tập theo kinh điển này để hiểu rõ các ấm, nhập và nguồn gốc hữu, vô của các pháp mà Như Lai đã giảng nói.

M

Phẩm 4: Mười tám chủng tánh

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thế nào gọi là Bồ-tát hiểu rõ các tánh? Nếu có thể phân biệt về mười tám tánh thì có khả năng tư duy, nhận biết về các pháp quán như: tận cội nguồn tánh của mắt là không có nhãn giới, đều là không, không có ngã và ngã sở, chẳng thể tồn tại lâu dài. Tánh của mắt là trống rỗng nên gọi là thật tánh, nương vào thật tánh của mắt nên gọi là không chân thật, đều do tư tưởng mê hoặc tạo thành. Mắt không có đối tượng để thành tựu cũng chẳng nhận biết được các hành là hình tướng của hư không. Giống như hư không, hết thấy đều

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không có đối tượng để tạo thành, không có sự nắm bắt cũng chẳng có xứ sở. Mắt không phải bên trong, bên ngoài cũng không ở chặng giữa, tất cả các nghiệp là giả tạm, không chân thật cũng không thể nắm giữ, đều do nhân duyên sinh khởi, không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, đó là thật tánh vốn thanh tịnh, không hình tướng, tội hay phước có ra đều dấy khởi do điên đảo, vì duyên hiện tại trói buộc nên gọi là “nhãn không giới”, không thể thấy, chấp vào mắt, cho là không có giới mà thức ở trong đó nên gọi là nhãn giới, nhãn căn thanh tịnh nên sắc sáng rõ hợp với ý căn, do nhân duyên trói buộc nên ba pháp hòa hợp là mắt, sắc kết hợp với nhãn giới, mà nhãn giới ấy không phải là giới cũng không phải không là giới, những ai có trí tuệ sáng suốt mới thấu hiểu được. Do đó, Bồ-tát hiểu rõ nhãn giới tức là thông đạt nghĩa chân thật, vì biết rõ sắc vốn không thể nắm bắt. Thế nào gọi là hiểu rõ sắc không có giới? Vì không kết hợp với sắc cũng chẳng xa lìa sắc, không có đối tượng sinh trưởng, tuy bàn luận về sắc giới nhưng không thể nắm bắt sắc vì sắc không có xứ sở. Vì sao gọi sắc không có giới? Vì sắc không có bên trong, bên ngoài cũng không ở chặng giữa, chỉ tồn tại giả tạm, do tư tưởng ấy nên mắt mới thấy ánh sáng của sắc, tánh mắt thanh tịnh nên thấy sắc là đẹp, tạm gọi là sắc, không phải là có xứ sở. Ví như gương sáng thì thấy được cảnh tượng, khuôn mặt; mắt thanh tịnh không như bản nên phản chiếu tướng là có sắc, tuy thấy trong gương có hình ảnh nhưng hình ảnh ấy từ bên trong xuất ra chứ không phải từ bên ngoài vào, do hình ảnh bên ngoài chiếu vào, lại hiện ra bên trong gương. Mắt cũng như vậy, do thanh tịnh mới thấy được sắc như thấy hình ảnh trong gương. Do thấy thật tánh của sắc và không sắc nên không chấp vào cảnh giới, không thể nắm giữ cũng chẳng có đối tượng thành tựu. Sắc tướng ấy vốn không sinh ra nên chúng sinh không thể hiểu được. Nếu thấy được sắc thì mới gọi là hiểu sắc. Giới cũng không có đối tượng sinh khởi nên không có giới, nhờ hiểu được sắc giới nên hiểu rõ tận cùng gốc rễ của sắc là không có quá khứ, không vị lai hay hiện tại, là trống rỗng, là thật tánh, nên gọi là tất cả đều do nhân duyên hòa hợp mà thành. Sắc giới là như vậy. Nhờ nhãn thức mà quan sát chân thật biết là không có giới. Thế nào gọi là quán? Nếu không có nhãn thức thì mắt và sắc không có xứ sở; vốn từ thanh tịnh

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

mà đến nên mắt và sắc không thể thủ đắc, tất cả đều không thể nắm giữ. Nhãn thức không có pháp, chỉ tạm gọi mà thôi, nhãn thức không tập hợp, không có tướng chân thật; giới của nhãn thức cũng do điên đảo xen tạp từ đời trước mà có, bị nhân duyên hiện tại trời buộc cùng với nhân duyên hòa hợp nên gọi là nhãn thức, do đó chúng sinh luôn ở trong điên đảo. Chỉ có bậc Thánh mới phân biệt và thông đạt được nhãn thức là không có giới. Vì sao? Mắt không có đối tượng tạo thành, mười hai nhân duyên sinh khởi là do hòa hợp sinh ra, chỉ là sự tạo tác giả mà có, tạm gọi là nhãn thức; ưa thích sự vận hành của thức và khởi lên các sự chứa nhóm hợp thành thức, tuy có đối tượng để thấy nhưng đều hư vọng, không chân thật, hình tướng chỉ là tạm có, do nhân duyên hiển hiện mà thôi. Vì giảng nói về nhãn thức khiến chúng sinh hiểu rõ nên Như Lai đã diễn nói, phân biệt về các hình tướng, do các tướng hợp thành nên gọi là thức, không có gì thành mất, nhờ nguồn gốc thức thanh tịnh nên biết tướng do các hành mà có gọi là đối tượng thấy, do tập hợp nhãn thức như vậy nên gọi là không có giới. Vì sao? Vì mắt không mong rằng ta sẽ nắm bắt nhãn thức và cũng không thể hiểu rõ ràng về chúng; sắc và thức không đạt đến thật tướng. Vì sao? Vì không có đối tượng để tạo thành, chỉ tạm mượn ngôn từ để hiển bày ý nghĩa, vì cứu giúp những chúng sinh nguy khốn. Ý niệm là linh vực, nguồn gốc của đối tượng hoạt động là mắt, là tướng tự nhiên của thức. Ba pháp: nhãn giới, sắc giới và thức giới nhóm hợp thành các giới, vì nhân duyên giảng nói các pháp về tướng của nghiệp... nên tạm nói có mắt, sắc và thức. Đó là tư duy. Nhờ điều này để khiến chúng sinh hội nhập, đạt đến chỗ không còn thấy có mắt, không thấy có sắc giới cũng chẳng có thức giới. Giáo hóa như vậy là đoạn trừ các kiến chấp. Nếu có khả năng hiểu rõ, đạt đến các phương tiện để giác ngộ của Như Lai thì có thể thông suốt tất cả ba cõi là không có cõi. Vì sao? Vì chấp vào các cõi nhưng thật sự không có cõi, sắc không thể nắm bắt, tai, thanh và thức giới cũng vậy, đối với mũi, hương và thức; lưỡi, vị và thức; thân, xúc và thức; ý, pháp và thức... mà suy lường, tư duy và quan sát đều không có đối tượng để tạo thành. Ý giới cũng là trống rỗng, không chân thật, thấy đều không thật có. Lại nữa, các chủng loại ấy đều không có đối tượng tạo thành. Ví như có người đem hạt giống

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

gieo xuống đất, muốn chúng nảy mầm nhiều thì phải nhờ các nhân duyên như nước, ánh sáng mặt trời chiếu xuống, chỉ riêng hạt giống thì không thể tạo ra mầm, hạt giống ấy cũng không thể cùng mầm hợp thành, mà nhờ hạt giống sinh ra mầm, hạt giống không tách rời mầm, mầm cũng không thể tách rời hạt giống. Ý giới cũng vậy, từ ý nghiệp này mà hiển hiện các loại nghiệp khác, nên nói là ý giới. Ý không rời niệm, niệm cũng không rời ý, tuy ý giới có nhân duyên riêng biệt hợp thành. Ý giới ấy không phải bên trong, bên ngoài hay chặng giữa, đều do những tạo tác vốn có đời trước tạo thành và do ý nghiệp nương nơi giới mà hợp thành cùng với nhân duyên hiện tại sinh ra, cho nên tạm gọi là ý. Từ chính mình sinh khởi đủ tất cả tội, phước; mười hai duyên khởi là hiển bày có đối tượng giảng nói, cho nên gọi là ý giới. Dùng phương tiện để giảng nói là muốn chúng sinh hiểu rõ tận cùng nguồn gốc ấy, nếu cầu chân thật rốt ráo thì không có nguồn gốc cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tâm tự buông lung không có xứ sở. Nếu có nhận thức được những ngôn từ hòa dịu thì ý giới ấy cũng chẳng phải là chân thật, không có quá khứ, hiện tại hay vị lai. Người sáng suốt hiểu rõ ý giới và pháp giới đều không thật có. Thế nào là quan sát thật tướng của pháp giới? Đó là hết thấy đều không thật có, không thể nắm bắt. Pháp giới không tạo thành cũng không có hình tượng, chỉ do điên đảo mà kiến lập, không có người hay mạng sống, từ hư giả mà sinh khởi sự nhận thức, do đó gọi là pháp giới. Thế nào là hiểu rõ pháp giới nhưng pháp giới không hiển bày? Pháp giới là không thật có, đều từ nhân duyên phát sinh. Vì do nhân duyên sinh nên gọi là không có pháp giới. Vì pháp giới do nhân duyên hợp thành nên luôn biến chuyển, điên đảo. Như Lai Chí Chân thông đạt cảnh giới chúng sinh cho nên gọi là pháp giới. Đó là sự tập hợp giả tạm, tên gọi cũng không thật. Pháp giới không phải bên trong, không có bên ngoài cũng chẳng phải chặng giữa. Song, vì dứt trừ kết sử, chấp vào pháp thiện, bất thiện và đoạn trừ tất cả các sự bàn luận về giáo lý, cho nên gọi là thực hành. Sự bàn luận là không thật có, pháp giới cũng trống rỗng, không có sự thành tựu hình tượng, tên gọi cũng chỉ tạm có mà thôi. Pháp cũng như vậy, không có đối tượng tạo nên hình tượng, vì đoạn dứt những tư tưởng chấp về pháp nên mới hiển bày, giảng nói, nhưng hết thấy đều

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không có cảnh giới, như trước đã nói. Không có duyên quá khứ, hiện tại hay vị lai mà chỉ do kiến chấp trói buộc, chúng sinh không hiểu được chúng từ duyên hợp thành. Người có trí tuệ thì thông đạt rõ ràng, pháp giới là không có cảnh giới, không nhiều, không ít, chỉ là phương tiện mà nói pháp giới. Người nào hiểu tường tận về pháp giới thì trừ sạch mọi đối tượng sinh khởi trong tất cả ba cõi. Do không vướng mắc các pháp nên không giảng nói về pháp giới hoặc nói về nhân duyên, tướng, dụng hay xứ sở của các pháp. Đó gọi là rốt ráo. Người có trí tuệ cho rằng tướng không có đối tượng sinh khởi. Vì sao? Vì tướng của pháp giới không có đối tượng tạo thành, pháp giới không có xứ sở, không có xứ sở cũng chẳng phải không có xứ sở, không có chỗ hòa hợp, an trụ cũng chẳng phải không an trụ. Quan sát, hiểu rõ pháp giới hoàn toàn không có đối tượng trụ chấp. Pháp giới không sinh ra, không phải chủ thể, không phải chỗ tập hợp, không phải tập hợp nên cũng chẳng tan rã. Pháp là không có đối tượng tạo lập cũng không thành tựu. Nếu có thể quan sát về pháp giới như vậy thì xét về ý thức mà không thấy có thức. Như vậy, nên quan sát như thế nào? Nên quán “Không có đối tượng sinh khởi cảnh giới” gọi là thức giới. Vì sao? Xét về ý thức thì không thật có, là giả tạm không thật, do điên đảo mà thành, từ ý niệm mà có ra nên gọi là ý thức, do sự tạo tác của phàm phu thiếu trí tuệ, chỉ có bậc Hiền thánh mới thông đạt rõ ràng mà thôi. Do hai pháp trên là chỗ duyên dựa cho ý thức nên chúng sinh không thể hiểu rõ được. Chỉ có bậc Trí mới có thể phân biệt hết thấy đều là hư vọng, từ tướng không chân chánh mà sinh khởi ý thức. Cảnh giới của ý thức ấy không có gì đặc biệt, chỉ là muốn giảng nói tường tận nên tạm mượn ngôn ngữ. Sự vay mượn ấy là vì chúng sinh không hiểu được ngọn nguồn ý thức là không có cảnh giới, do nhân duyên chứa nhóm, xoay chuyển không bờ bến. Các bậc Hiền thánh không tìm cầu thức giới, không chấp ở trong, ở ngoài cũng chẳng phải ở giữa. Người có trí tuệ hiểu rõ ý thức ấy nhưng không thấy có ý thức mà thấy chúng đều từ nhân duyên, từ điên đảo dấy khởi. Do hai nhân duyên này mà có những chúng sinh từ tư tưởng không chân thật nên chấp nhận hư dối, đều từ sự vận dụng của tâm, theo tướng thế gian nên có ý thức. Tâm của chúng sinh vốn từ nhân duyên này mà có. Ý thức không có quá khứ,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

hiện tại hay vị lai. Xét về nguồn gốc của ý thức cũng không có đối tượng chấp giữ. Ý thức tồn tại không có quá khứ, vị lai cũng chẳng có đối tượng để kiến lập, ý không có đối tượng để nắm giữ. Vì sao? Ý thức vốn thanh tịnh, không có hai, không tướng cũng không phải hai tướng, tuy có chỗ để tồn tại nhưng không thể thấy. Người có trí tuệ hiểu rõ ý thức là như vậy. Những ai biết ý thức như thế thì không thấy có pháp để giảng nói, không có sự kết hợp cũng chẳng có sự tách rời; không có tướng sinh khởi cũng chẳng có tướng giáo hóa, chỉ riêng Hiền thánh mới hiểu rõ. Thế nào là thức giới? Nghĩa là không từ đâu sinh ra cũng không có nhân duyên. Vì sao? Vì ý thức giới từ nhân duyên sinh khởi, xét về gốc ngọn của chúng thì không thể thấy. Người có trí tuệ hiểu rõ sự tạo thành ý là như vậy, vốn không có tạo tác, do chúng sinh tự tạo ra, không có đối tượng sinh khởi. Do chúng sinh tạo ra nên tướng cũng không có đối tượng sinh khởi.

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào quan sát như vậy thì thông đạt về ý thức và cũng không chấp giữ thức.

M